

**NGHỊ QUYẾT IX CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN CUỘC SỐNG
HƯỚNG TỚI ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG**

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC KẾT HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI CÔNG BẰNG XÃ HỘI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TRẦN THÀNH (*)

Tác động qua lại giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là biện chứng khách quan của sự phát triển, tiến bộ xã hội trong thời đại hiện nay. Tăng trưởng kinh tế là cơ sở kinh tế, là giá đỡ vật chất cho công bằng xã hội; thực hiện công bằng xã hội lại là điều kiện xã hội, động lực cho sự tăng trưởng kinh tế. Kết hợp hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là một trong những nguyên tắc chủ yếu trong tiến trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Lực lượng nòng cốt để thực hiện sự "kết hợp" ấy chính là nhà nước. Muốn thành công, một mặt, chúng ta phải có quan niệm đúng đắn, khách quan trên quan điểm lịch sử cụ thể về công bằng xã hội; mặt khác, các chính sách, biện pháp giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội của nhà nước phải hướng vào sự phát triển kinh tế, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế.

Kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là một trong những chủ trương chủ yếu trong đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới. Chủ trương đó không chỉ thể hiện tính định hướng nhân văn, định hướng xã hội chủ nghĩa, mà còn phản ánh nhu cầu phát triển xã hội theo mô hình tiến bộ, phù hợp với thiên niên kỷ mới.

Tăng trưởng kinh tế là đòi hỏi bức xúc trong thời kỳ đổi mới ở nước ta. Nếu không tăng trưởng kinh tế, chúng ta sẽ bị gạt ra ngoài lề của đời sống kinh tế quốc tế, không thể tồn tại được chứ đừng nói đến phát triển, tiến bộ. Nhưng tăng trưởng kinh tế mà dẫn tới sự phân hoá giàu nghèo một cách quá đáng, dẫn tới sự phân cực, một mặt, sẽ nảy sinh những mâu thuẫn, xung đột xã hội cản trở sự phát triển kinh tế; mặt khác, sẽ không đảm bảo được sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, cùng với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, Đảng ta

chủ trương "giải quyết tốt các vấn đề xã hội, coi đây là một hướng chiến lược thể hiện bản chất ưu việt của chế độ ta. Thực hiện chính sách xã hội hướng vào phát triển và lành mạnh hoá xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hiện bình đẳng trong quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp" (1).

Sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội là một yêu cầu khách quan trong sự phát triển của nước ta hiện nay. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là sự thống nhất đó tự nó sẽ diễn ra. Ở đây, vai trò của chủ thể, của nhân tố chủ quan, mà trước hết phải nói đến vai trò của nhà nước có tầm quan trọng đặc biệt trong việc "kết hợp", đảm

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện Triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 33.

bảo sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội. Khẳng định vai trò to lớn của nhà nước trong điều kiện hiện nay liệu có chủ quan, duy ý chí hay không? Câu trả lời là không, bởi mấy lẽ sau đây:

Một là, *thực tiễn phát triển của lịch sử đương đại không phủ nhận, mà ngược lại, ngày càng khẳng định sự cần thiết của “bàn tay hữu hình” của nhà nước.*

Cũng có người cho rằng, chỉ đứng trên quan điểm mácxít và ở các nước xã hội chủ nghĩa mới khẳng định vai trò của nhà nước trong quản lý, điều tiết nền kinh tế, còn đối với các nước tư bản chủ nghĩa thì ngược lại. Điều đó không hoàn toàn đúng. Lược qua lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản chúng ta thấy, chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ tự do cạnh tranh, khi nhà nước còn đứng bên ngoài kinh tế, bảo vệ cho tự do cạnh tranh dưới sự chi phối của thị trường, đã dẫn đến khủng hoảng và tổng khủng hoảng kinh tế – xã hội trong những năm 20, 30 của thế kỷ XX. Đó là một trong những nguyên nhân của cuộc Chiến tranh thế giới thứ II. Sau Chiến tranh thế giới thứ II, chủ nghĩa tư bản cũng đã thấy được sự cần thiết của “bàn tay hữu hình” của nhà nước đối với sự phát triển kinh tế nói riêng và sự phát triển xã hội nói chung. Chủ trương xây dựng “nhà nước phúc lợi” ở các nước tư bản đã chứng tỏ điều đó.

Nhờ sự can thiệp của nhà nước vào lĩnh vực kinh tế, chủ nghĩa tư bản đã vượt qua những cơn khủng hoảng triền miên, thay đổi được bộ mặt của mình và tạo đà cho sự phát triển. Tuy nhiên, do bản chất và cơ sở kinh tế của chủ nghĩa tư bản, vào cuối những năm 70, 80 của thế kỷ XX, sự can thiệp của nhà nước theo mô hình “nhà nước phúc lợi” bắt đầu cản trở sự phát triển kinh tế. Chủ nghĩa tư bản rơi vào tình trạng khủng hoảng mới - khủng

hoảng về cơ cấu. Trước tình trạng đó, các đảng bảo thủ cầm quyền đề xuất mô hình “chủ nghĩa tự do mới” (bắt đầu từ luận thuyết của Rigan - cựu Tổng thống Mỹ và Thatcher - cựu Thủ tướng Anh vào những năm 80). Thực chất của chủ nghĩa tự do mới là đề cao thị trường tự do. Những người theo thuyết này cho rằng, mọi quyết sách phải theo mệnh lệnh của thị trường và phản đối sự can thiệp của nhà nước vào kinh tế.

Sau gần 10 năm thực hiện luận thuyết đó, một số nước phương Tây đã phải gánh chịu những hậu quả tai hại: nạn đói cơ tiền tệ; tăng tỉ suất lợi nhuận, nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm; cắt xén chi tiêu phúc lợi, nhưng gánh nặng tài chính của nhà nước không giảm; sự phân cực xã hội diễn ra rất nặng nề, sự căng thẳng xã hội trở nên gay gắt...

Các nước phương Tây dần dần đã cảnh tỉnh trước chủ nghĩa tự do mới và có sự thay đổi. Họ thấy rằng, nếu phó mặc cho “bàn tay vô hình” của thị trường thì những gì được coi là tốt lành của chủ nghĩa tư bản có thể sẽ tiêu tan. Các nước thuộc thế giới thứ ba cũng nhận thấy là, nếu đem toàn bộ việc phân bổ tài nguyên, phân phối thu nhập và sự điều tiết của nhà nước giao cho thị trường quản lý, thì chỉ có thể mang lại tình trạng hỗn loạn, vô chính phủ, thất nghiệp và bần cùng.

Đặc biệt, khi tiến trình toàn cầu hoá trở nên mạnh mẽ, khi sự hình thành hệ thống kinh tế toàn cầu đang “phá vỡ” những biên giới quốc gia của các nền kinh tế, những tranh luận về nhà nước và khả năng của nó trong việc thực hiện các chức năng của mình đã diễn ra ngày càng sôi nổi.

Khi đưa ra thuyết “Toàn cầu hoá quyết định”, chủ nghĩa tự do mới cho rằng, trong tiến trình toàn cầu hoá, nhà nước không có cách gì quyết định vận mệnh của mình.

Việc phân bổ tài nguyên, phân phối thu nhập và đề ra các quyết sách chỉ có thể tiến hành theo mệnh lệnh của thị trường; đối mặt với toàn cầu hoá tư bản thì quốc gia, dân tộc có xu hướng tiêu vong, duy nhất còn lại là chủ quyền của thị trường.

Có quan điểm lại cho rằng, sự phát triển của toàn cầu hoá đã làm nổi lên vai trò “quản lý toàn cầu”. Bởi lẽ, toàn cầu hoá về kinh tế làm xuất hiện sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế, giữa các quốc gia, dân tộc. Thời cơ, thách thức, rủi ro, khủng hoảng, nghèo đói, khủng hoảng sinh thái, ô nhiễm môi trường... đều đã trở thành những vấn đề có tính chất toàn cầu; việc giải quyết chúng đòi hỏi phải có sự nỗ lực toàn cầu, nỗ lực của mọi quốc gia dù lớn hay nhỏ. Trong khi đó, theo quan điểm này, biện pháp thị trường đã mất linh nghiệm, nhà nước quốc gia đã trở nên bất lực và do đó, cần thiết phải đề cao sự “quản lý toàn cầu”.

Quan điểm tuyệt đối hóa vai trò của thị trường, coi thị trường quyết định tất cả đã bị thực tiễn đương đại bác bỏ. Còn việc phải có sự quản lý toàn cầu nhằm chế định, duy trì trật tự kinh tế toàn cầu và thúc đẩy nỗ lực chung của mọi quốc gia để giải quyết các vấn đề toàn cầu là cần thiết. Nhưng từ đó mà coi nhẹ hoặc phủ nhận vai trò của nhà nước quốc gia thì lại là một sai lầm.

Quả thực, chủ quyền quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá đang bị ảnh hưởng mạnh mẽ, quyền và hoạt động của nhà nước đang bị hạn chế: khai thác tài nguyên cũng chịu sự ràng buộc quốc tế, thị trường toàn cầu chế ước tính tự chủ về chính sách của chính phủ, tự do hoá đã làm giảm quy mô can thiệp trực tiếp của nhà nước vào các quá trình kinh tế, sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước đang ngày càng tăng lên... Tuy nhiên, không vì thế mà vai trò của nhà nước bị suy giảm.

Trên thực tế, nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng, kể cả ở các nước đang phát triển, cũng như các nước phát triển.

Cũng phải thừa nhận rằng, toàn cầu hoá đang làm nảy sinh những vấn đề mới và việc giải quyết chúng sẽ trở nên vô cùng khó khăn nếu không có sự tham gia của nhà nước. Chẳng hạn, vấn đề điều tiết dân cư, ngăn chặn buôn bán các chất ma tuý, tình trạng gia tăng tội phạm... Chính vì vậy, nhiều nhà nghiên cứu đương đại cho rằng, cần phải có nhiều hơn sự quản lý của nhà nước, chứ không phải là ít hơn so với trước kia và nhà nước cần phải có sự cải cách, điều chỉnh cho thích ứng với điều kiện mới.

Như vậy, không chỉ quan điểm mácxít mà ngay cả quan điểm của các nhà quản lý học, chính trị học phương Tây và thực tiễn phát triển của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ toàn cầu hoá cũng khẳng định vai trò không thể thiếu được của nhà nước trong điều kiện hiện nay, nhất là đối với lĩnh vực kinh tế.

Hai là, nhà nước “kết hợp” tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội là thực hiện một đòi hỏi khách quan của sự phát triển, tiến bộ trong thời đại hiện nay.

Sự gán bó mật thiết, ràng buộc, quy định lẫn nhau giữa “cái kinh tế” và “cái xã hội” là biện chứng khách quan của sự vận động, phát triển của lịch sử, nhất là trong thời kỳ hiện đại. Không có “cái kinh tế” tồn tại thuần tuý, tách rời “cái xã hội”. Theo quan điểm mácxít, phát triển kinh tế không có mục đích tự thân, mà suy cho cùng là nhằm mục đích phát triển xã hội, phát triển con người. Và lại, kinh tế cũng không thể phát triển, càng không thể phát triển bền vững nếu xem nhẹ hay bỏ qua các vấn đề, các khía cạnh xã hội. Tuy nhiên, giải quyết các vấn đề xã hội phải dựa trên cơ sở sự phát triển kinh tế, phải lấy sự phát triển kinh tế làm giá đỡ.

Những giải pháp giải quyết các vấn đề xã hội xuất phát từ mong muốn, "khát vọng" chủ quan thuần túy thì chỉ là những ý định tốt đẹp, không có tính khả thi, hoặc sẽ làm mất động lực phát triển kinh tế, kìm hãm sự phát triển kinh tế. Như vậy, theo biện chứng của sự phát triển lịch sử, "cái kinh tế" là một thực thể kinh tế - xã hội và "cái xã hội" cũng phải là thực thể xã hội - kinh tế. Lịch sử phát triển đương đại chứng tỏ tính đúng đắn, khoa học của quan điểm mácxít đó.

Chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ tự do cạnh tranh để cho thị trường chi phối, thao túng, nhà nước đứng bên ngoài kinh tế và ít chú ý đến các vấn đề xã hội. Điều này đã làm xuất hiện những xung đột gay gắt trong xã hội, cản trở sự phát triển kinh tế, đẩy nền kinh tế rơi vào tình trạng khủng hoảng và tổng khủng hoảng. Trước những hậu họa đó, các nhà kinh tế học tư sản đã ý thức được vấn đề và dần dần thấy được vai trò của "bàn tay hữu hình" của nhà nước trong điều tiết nền kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội. Ở đây phải nói tới sự đóng góp của J.M.Keynes. Trong luận thuyết của mình, Keynes coi sự mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng là nguyên nhân chính của sản xuất thừa. Do đó, theo ông, để đạt được sự cân đối giữa cung và cầu nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, cần phải có các biện pháp can thiệp trực tiếp của nhà nước vào đời sống kinh tế - xã hội. Theo luận thuyết này, chủ nghĩa tư bản sau Chiến tranh thế giới thứ II đã tiến hành xây dựng mô hình "nhà nước phúc lợi". Với mô hình đó, ở các nước phương Tây, ngân sách của nhà nước cấp cho các mục tiêu xã hội (chi cho giáo dục, y tế, đảm bảo xã hội, ưu tiên cho những đối tượng dễ bị tổn thương...) có xu hướng gia tăng. Chính vì vậy, cuộc đấu tranh của nhân dân lao động vì các quyền và lợi ích của mình đã không còn

mang tính chất quyết liệt như trước. Chủ nghĩa tư bản phần nào đã làm dịu được những xung đột xã hội, tạo đà cho sự tăng trưởng kinh tế.

Vào những năm 80 của thế kỷ XX, sự can thiệp của "nhà nước phúc lợi" theo kiểu cũ đó đã bắt đầu đẩy nền kinh tế tư bản chủ nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng mới: khủng hoảng về cơ cấu và nền kinh tế rơi vào sự suy thoái. Để khắc phục tình trạng đó, họ lại truyền bá và vận dụng luận thuyết về chủ nghĩa tự do mới, nhấn mạnh sự tăng trưởng kinh tế, ít chú ý đến các vấn đề xã hội. Sau gần một thập kỷ thực hiện luận thuyết đó, sự phân cực xã hội trở nên nặng nề hơn bao giờ hết, xung đột xã hội ngày càng gay gắt dẫn đến cản trở sự phát triển của kinh tế. Chủ nghĩa tư bản lại rơi vào vũng lầy mới do không quan tâm giải quyết những vấn đề xã hội. Nhiều nước tư bản đã thấy được tác hại của luận thuyết này và họ tiếp tục thực hiện mô hình "nhà nước phúc lợi" nhưng có sự cải biến, hiện đại hoá nó.

Đối với các nước chủ trương phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa, việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội càng trở nên cần thiết hơn. Đó là một yêu cầu khách quan, không chỉ để tăng trưởng kinh tế, mà còn đảm bảo cho mục tiêu chính trị đã lựa chọn.

Thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội mang tính đặc sắc của Trung Quốc là một minh chứng cho sự cần thiết phải "kết hợp" này.

Sau một thời gian dài phát triển đất nước theo mô hình chủ nghĩa xã hội cũ, từ cuối thập niên 70, Trung Quốc quyết định thực hiện cải cách quản lý nền kinh tế theo cơ chế thị trường, mở cửa ra bên ngoài. Trong những năm đầu của công cuộc cải cách, Trung Quốc thực hiện chính sách tập trung cao cho tăng trưởng kinh

tế với quan điểm cho rằng, chỉ cần tăng trưởng kinh tế là có thể giải quyết được mọi vấn đề. Kết quả là nền kinh tế Trung Quốc đã phát triển với tốc độ cao nhất, nhì thế giới. Tuy nhiên, do tập trung cao độ cho sự tăng trưởng kinh tế, hàng loạt vấn đề xã hội đã không được quan tâm. Hậu quả là phần lớn người lao động ít được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế, hệ thống chăm sóc sức khỏe và y tế cộng đồng ở vào tình trạng đáng lo ngại, hầu hết số người nghèo không có khả năng chi trả các dịch vụ y tế; đầu tư cho giáo dục thấp (2% GDP) làm cho hàng chục triệu trẻ em không thể tiếp tục đi học vì những khó khăn về kinh tế, nguồn nhân lực bị giảm sút, tình trạng phân hoá giàu nghèo giữa các vùng miền, giữa các tầng lớp dân cư quá lớn đe dọa sự ổn định và phát triển, nạn thất nghiệp có xu hướng tăng cao. Tình hình xã hội trở nên căng thẳng, cản trở quá trình phát triển kinh tế - xã hội trước mắt và đe dọa sự phát triển kinh tế bền vững.

Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ý thức được những khiếm khuyết trong chủ trương của mình và bắt đầu thi hành những giải pháp cần thiết để đảm bảo công bằng xã hội. Nghị quyết Trung ương 3 khoá XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhấn mạnh rằng, phải coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự tiến bộ; xuất phát từ lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân để xây dựng chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Để đảm bảo cho sự phát triển của đất nước, từ đầu năm 2004, Trung Quốc đã tích cực thực hiện những biện pháp nhằm giảm bớt những mâu thuẫn gay gắt giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội: chuyển chính sách ưu tiên cao độ cho tăng trưởng kinh tế sang ưu tiên cho đảm bảo công bằng xã hội, thực hiện việc kết hợp tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội.

Chính phủ chuyển trọng tâm từ phát triển kinh tế, sang giải quyết các vấn đề xã hội như: khắc phục tình trạng nghèo đói, sự tụt hậu về y tế, giáo dục, nạn thất nghiệp... Ngân sách nhà nước tăng cho các dịch vụ công cộng, cho hệ thống an sinh xã hội. Chính sách ưu tiên phát triển nông nghiệp, nông thôn... được triển khai rộng khắp.

Như vậy, gắn tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội là biện chứng khách quan của sự phát triển xã hội trong thời kỳ hiện đại; hơn nữa, là sự phát triển xã hội theo hướng nhân văn, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, như thực tế đã chỉ ra, điều đó không được thực hiện một cách tự động, mà phải có sự tác động chủ động của kiến thức thượng tầng chính trị, trước hết là nhà nước. Nhà nước là công cụ chủ yếu thực hiện sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa, theo bản chất của mình, là nhà nước có khả năng tốt nhất thực hiện sự kết hợp đó.

Ở Việt Nam, một trong những nội dung xuyên suốt trong đường lối đổi mới của Đảng ta là kết hợp ngay từ đầu tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, "tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển"(2). Việc thực hiện nhiệm vụ đó, như Đảng ta đã chỉ rõ, phải theo tinh thần xã hội hoá, động viên toàn dân, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân và cộng đồng quốc tế cùng tham gia, trong đó *nhà nước đóng vai trò nòng cốt*.

Để không rơi vào ảo tưởng, chủ quan duy ý chí khi giải quyết các vấn đề xã hội như trước đây, các chủ trương, chính sách, biện pháp... của nhà nước phải đáp ứng hai yêu cầu chủ yếu sau:

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr 88.

1. *Phải có quan niệm đúng đắn, khách quan trên quan điểm lịch sử-cụ thể về công bằng xã hội.*

Công bằng xã hội là khát vọng, là mục tiêu đấu tranh của nhân loại tiến bộ từ bao đời nay. Trong thực tế lịch sử nhân loại, công bằng xã hội biểu hiện như một xu hướng, một quá trình lịch sử phát triển tiến bộ. Công bằng xã hội là một phạm trù mang tính lịch sử, nó không chỉ phụ thuộc vào bản chất của chế độ xã hội, mà còn dựa trên những tiền đề hiện thực, như thực lực kinh tế, mức độ phát triển kinh tế... mà xã hội đã đạt được. Công bằng xã hội và bình đẳng xã hội là hai khái niệm không hoàn toàn đồng nhất.

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, sự công bằng xã hội mà con người đạt được trong mỗi thời kỳ lịch sử nhất định là những nấc thang để tiến dần tới bình đẳng xã hội. Bình đẳng xã hội hoàn toàn chỉ đạt được dưới chủ nghĩa cộng sản - xã hội có đủ điều kiện để thực hiện nguyên tắc phân phối: "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu". Do vậy, công bằng xã hội trong điều kiện nước ta hiện nay không phải là được hiểu theo nghĩa bình đẳng lý tưởng, bình đẳng xã hội một cách hoàn toàn, cũng không phải theo nghĩa giản đơn, ấu trĩ như trước đây là cào bằng, bình quân, làm cho mọi người trở nên ngang bằng nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Công bằng xã hội trong bất kỳ thời đại nào cũng đều là động lực thúc đẩy xã hội phát triển tiến bộ, bao giờ cũng là mục tiêu đấu tranh của các lực lượng xã hội tiến bộ, nhưng nó chỉ thực thi và có tác dụng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội khi phù hợp với điều kiện lịch sử - cụ thể của thời đại, của đất nước.

Hiện nay, nước ta đang ở trong quá trình xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Quan niệm về công bằng xã hội, cũng như

những chủ trương, chính sách, biện pháp... của nhà nước nhằm giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội phải phù hợp với cơ sở kinh tế và định hướng chính trị đó. Mặc dù không phải là duy nhất, song cần phải thấy rằng, công bằng trong phân phối là cốt lõi của công bằng xã hội. Nhấn mạnh nội dung này, Đại hội lần thứ IX của Đảng khẳng định: chúng ta cần "thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội"(3) nhằm "tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội"(4). Đây là một nguyên tắc phân phối công bằng, phù hợp với điều kiện nước ta hiện nay và do đó, mọi chính sách, biện pháp thực hiện đều phải dựa trên nguyên tắc đó mới có tính khả thi, đảm bảo đúng định hướng và kích thích được sự phát triển kinh tế, tiến bộ xã hội.

2. *Giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng xã hội phải hướng vào sự phát triển kinh tế, tạo động lực phát triển kinh tế.*

Kinh tế thị trường, kể cả nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, không có "cơ chế tự điều tiết" và giải quyết các vấn đề xã hội. Ngược lại, nó còn làm nảy sinh những vấn đề xã hội bức xúc, mà nếu thiếu sự can thiệp tích cực của nhà nước thì không thể giải quyết được. Tuy nhiên, sự can thiệp của nhà nước chỉ là tích cực, có hiệu quả khi dựa trên thực lực của nền kinh tế và tạo động lực cho sự tăng trưởng kinh tế.

Việc xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường ở nước ta trong thời gian vừa qua, ngoài mặt tích cực, đã làm nảy sinh

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr. 88.

(4) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Sđđ.*, tr.104.

nhiều vấn đề xã hội đòi hỏi nhà nước phải can thiệp, giải quyết. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập tới hai vấn đề xã hội nổi bật liên quan trực tiếp tới sự phát triển kinh tế.

Trước hết, đó là vấn đề phân hoá giàu nghèo. Trong điều kiện nước ta hiện nay, sự phân hoá giàu nghèo do phát triển kinh tế thị trường là điều không tránh khỏi. Song, tình trạng phân hóa giàu nghèo ở mức độ nào đó cũng biểu hiện sự công bằng xã hội đang được thiết lập lại. Chính vì vậy, một mặt, nhà nước phải chấp nhận sự phân hoá giàu nghèo, phải bảo vệ và khuyến khích nhân dân làm giàu một cách hợp pháp; mặt khác, phải tiến hành một loạt các chủ trương, chính sách, biện pháp để xoá đói giảm nghèo và kiểm chế sự phân hoá giàu nghèo không để gia tăng đến mức quá đáng, đến mức phân cực. Tuy nhiên, các chính sách xoá đói giảm nghèo không nên hiểu như là những chính sách nhân đạo thuần túy nhằm mục đích cứu trợ cho người nghèo, mà phải tạo động lực cho sự phát triển kinh tế. Đồng thời, phải làm trong sạch bộ máy nhà nước, đẩy mạnh đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, cải cách nền hành chính quốc gia, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý và điều tiết của nhà nước đối với sự phát triển kinh tế và xã hội.

Hai là, vấn đề cơ hội tham gia và hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Kinh nghiệm ở nhiều nước cho thấy, nếu phần lớn người dân không có cơ hội tham gia và do đó, không được hưởng lợi (sinh lợi bằng lao động của mình chứ không phải chỉ thuần tuý bằng sự phân phối lại, phúc lợi xã hội) từ quá trình tăng trưởng kinh tế sẽ làm nảy sinh những bức xúc, căng thẳng gây mất ổn định xã hội; đồng thời, ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lực con người, cản trở sự phát triển theo hướng bền vững của nền kinh tế.

Kinh tế thị trường tự nó không thể giải quyết được vấn đề này, mà cần phải có "bàn tay hữu hình" của nhà nước. Nhiều

nước phát triển theo mô hình "nhà nước phúc lợi" coi mục tiêu cuối cùng của nhà nước là sự bình đẳng về các khả năng, chứ không phải là sự bình đẳng về kết quả. Trong những năm gần đây, ở nước ta cũng xuất hiện một số ý kiến kiến giải vấn đề công bằng xã hội theo hướng công bằng về cơ hội. Nên nhớ rằng, giao những quyền ngang nhau cho những người thực ra là không ngang nhau chỉ là bình đẳng hình thức, còn thực tế là bất bình đẳng. Điều đó lý giải tại sao quan điểm mácxít lại coi vấn đề phân phối như nội dung cốt lõi trong công bằng xã hội.

Để tạo cơ hội cho phần lớn nhân dân tham gia và hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế, nhà nước phải thực hiện công bằng xã hội ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất, lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất. Công bằng trong phân phối tư liệu sản xuất không phải là cào bằng, bình quân, mà phải lấy hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội làm căn cứ. Hiệu quả xã hội không chỉ được hiểu theo nghĩa mang tính chất "xã hội thuần túy", mà bao chứa trong nó hiệu quả kinh tế. Nhà nước cần tạo cơ hội cho mọi người, mọi vùng, miền có thể tham gia và hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế. Chẳng hạn, cần đầu tư mạnh cho giáo dục, y tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, đặc biệt là ở những vùng, miền có nhiều khó khăn, ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tác động qua lại giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là biện chứng khách quan của sự phát triển, tiến bộ xã hội trong thời đại hiện nay. Kết hợp một cách hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội sẽ tạo nên động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Sự "kết hợp" này được thực hiện bởi nhân tố chủ quan, trong đó nhà nước đóng vai trò chủ yếu. Trọng trách ấy đã, đang đặt ra cho Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. □